

Bản án số: 55/2022/DS-PT.
Ngày: 20 - 4 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tôn Thị Thanh Thúy.
- *Các thẩm phán:* 1/ Ông Hồ Văn Phụng.
2/ Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nông Văn Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2022/TLPT-DS ngày 23/2/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2021/DS-ST, ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 03 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng NN. Địa chỉ trụ sở: LH, phường TC, quận BD, Thành phố HN.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Mai VT. Địa chỉ nơi làm việc: Đường ĐT, ấp C, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh ST (Theo Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng NN) (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Hà KR. Cư trú tại: Ấp V, xã An TN, huyện CL, tỉnh ST (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lâm Thị M. Cư trú tại: Ấp Võ Thành Văn, xã An Thạnh Nam, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Chị Hà Thị Keo, sinh năm: 1983. Cư trú tại: Ấp V, xã An TN, huyện CL, tỉnh ST (vắng mặt).

3. Chị Hà LĐ. Cư trú tại: Thôn NL, xã PN, huyện TN, tỉnh N (vắng mặt).
4. Chị Hà BN. Cư trú tại: Ấp AQ, xã AT, huyện CL, tỉnh ST(vắng mặt).
5. Anh Hà SL. Cư trú tại: Ấp V, xã An TN, huyện CL, tỉnh ST (vắng mặt).
5. Anh HL. Cư trú tại: Ấp V, xã An TN, huyện CL, tỉnh ST (vắng mặt).
6. Ông Lâm TT. Cư trú tại: Ấp V, xã An TN, huyện CL, tỉnh ST (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Hà KR.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại nội dung đơn khởi kiện ngày 14 tháng 4 năm 2021 của nguyên đơn Ngân hàng NN, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Do có nhu cầu vay vốn nuôi cá kèo nên ngày 03/10/2018 ông Hà KR có ký Hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201802387 với Ngân hàng NN - Chi nhánh huyện CL, tỉnh Sóc Trăng để vay số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 03/10/2018, lãi suất: 10,5% năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 03/12/2018 ông Ray ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 18CN01/03/HĐTC với Ngân hàng, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất số T 344468, thửa đất số 129, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc Vùng 5, Nông trường 30/4, huyện Long Phú (nay là ấp Ấp V, xã An TN, huyện CL, tỉnh ST), tỉnh Sóc Trăng, diện tích 16.300m² do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú (nay là huyện Cù Lao Dung), tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Hà KR vào ngày 28/6/2001.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng, vào ngày 04/12/2018 thì Ngân hàng đã giải ngân cho ông Ray số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 03/12/2019. Tính đến ngày 27/12/2021, ông Ray còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi tổng cộng: 498.850.925 đồng, trong đó: nợ tiền gốc: 350.000.000 đồng, nợ tiền lãi trong hạn: 111.212.800 đồng, nợ tiền lãi quá hạn: 37.638.125 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm Ngân hàng NN giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: buộc ông Hà KR hoàn trả hết số nợ gốc và lãi phát sinh tại hợp đồng tín dụng số: 7613-LAV/201802387 ngày 03/10/2018 cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 27/12/2021 tổng cộng nợ gốc, lãi là 498.850.925 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày ông KR trả tất nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông KR không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng, thì đề nghị Tòa án phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 18CN01/03/HĐTC ngày 03/12/2018 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

- *Tại văn biên bản lấy lời khai của đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Hà KR trình bày:* Ông thừa nhận ông có ký hợp đồng tín dụng để vay số tiền 350.000.000 đồng của Ngân hàng, thời gian ký hợp đồng tín dụng, lãi suất, cách thức thanh toán và tài sản thế chấp đúng như

người đại diện hợp pháp của Ngân hàng trình bày. Tại phiên tòa sơ thẩm ông KR thống nhất trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 27/12/2021, tổng cộng gốc và lãi là 498.850.925 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày ông thanh toán hết nợ cho Ngân hàng, nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông xin được trả dần khoản nợ trên cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng và ông cũng xác định ông có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với Ngân hàng để bảo đảm khoản vay, việc thế chấp các con ông là chị Hà TK, chị Hà LĐ, chị Hà BN, anh Hà SL, anh HL và vợ ông là bà Lâm TM đều biết và thống nhất lập văn bản ủy quyền để ông thế chấp Quyền sử dụng đất có diện tích 16.300m², thửa đất số 129, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại Vùng 5, Nông trường 30/4, huyện Long Phú (nay là ấp Ấp V, xã An TN, huyện CL, tỉnh ST), tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú (nay là Cù Lao Dung), tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 28/6/2001 cho hộ ông Hà KR.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, thì trên phần đất thế chấp có căn nhà ở (gồm nhà trước, nhà sau, nhà vệ sinh) có kết cấu mái tol, vách lá, nền đất do ông KR và bà TM quản lý, sử dụng. Ông KR khai trên phần đất thế chấp ông có hợp tác làm ăn với ông Lâm TT, ông Triều ra tiền đào ao còn ông thì ra đất và trong thời gian 05 năm ông Triều sẽ trả ao lại cho ông KR và ông KR không phải trả tiền đào ao cho ông TT.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Ray cũng trình bày: các con của ông gồm chị Hà TK, chị Hà LĐ, chị Hà BN, anh Hà SL, anh HL và ông Lâm TT đều biết ông đang bị Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án. Ông KR đã thông báo cho các con ông về việc Tòa án mời làm việc, xét xử thông qua điện thoại, do các con ông bận đi làm, không có điều kiện để đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án, các con ông đều không có ý kiến gì đối với hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp mà ông đã ký với Ngân hàng mà đề nghị Ngân hàng cho gia đình ông được trả dần khoản nợ vay.

- Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm TM trình bày: chồng bà là ông KR có vay nợ Ngân hàng như phía Ngân hàng và ông KR đã trình bày. Bà và các con có ký hợp đồng ủy quyền để ông KR ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Hà KR với Ngân hàng. Do nuôi tôm thất bại, hoàn cảnh kinh tế gia đình bà khó khăn nên không có tiền để trả hết nợ cho Ngân hàng, bà TM đề nghị Ngân hàng cho ông KR được trả dần khoản nợ trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà TK, chị Hà LĐ, chị Hà BN, anh Hà SL, anh HL, ông Lâm TT vắng mặt tại phiên tòa không có ý kiến trình bày. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hợp lệ, thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà TK, chị Hà LĐ, chị Hà BN, anh Hà SL, anh HL, ông Lâm TT biết. Chị Hà TK, chị Hà LK, chị Hà BN, anh Hà SL, anh HL, ông Lâm TT đã nhận được các văn bản của

Tòa án hợp lệ, nhưng không có ý kiến phản đối, đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2021/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định như sau: Căn cứ vào Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 118, 119, 213, 317, 318, 319, 320, 325, 500 và 502 của Bộ luật Dân sự; Điều 166 và Điều 167 Luật Đất đai, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; điểm đ khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 13 của Thông tư số 39/2010/TT-NHNN ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN.

1. Buộc ông Hà KR có trách nhiệm trả cho Ngân hàng NN số tiền gốc và lãi 498.850.925 (bốn trăm chín mươi tám triệu, tám trăm năm mươi nghìn, chín trăm hai mươi lăm) đồng, trong đó nợ gốc: 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng, nợ lãi trong hạn 111.212.800 (một trăm mười một triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, tám trăm) đồng, nợ lãi quá hạn 37.638.125 (ba mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, một trăm hai mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2021 ông Ray còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng NN thì lãi suất mà ông KR phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng NN cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng NN.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông KR thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng NN thì Ngân hàng NN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 18CN01/03/HĐTC, ngày 03 tháng 12 năm 2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, bị đơn ông Hà KR kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho ông trả khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng thành nhiều lần, cụ thể xin trả mỗi năm 50.000.000 đồng đến khi trả dứt nợ gốc và các khoản nợ lãi xin trả tiếp tục trong 02 năm tiếp theo khi khi dứt nợ và yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho ông được miễn án phí sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với yêu cầu miễn án phí phúc thẩm do tại thời điểm xét xử phúc thẩm ông Hà KR đã đủ 60 tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 275 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đại diện Ngân hàng NN; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà TK, chị Hà LĐ, chị Hà BN, anh Hà SL, anh HL, ông Lâm TT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Hà KR ký Hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201802387 với Ngân hàng ÁP V, xã An TN, huyện CL, tỉnh ST - Chi nhánh huyện CL, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 03/10/2018 để vay số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 03/10/2018, lãi suất: 10,5% năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn và để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 03/12/2018 ông KR ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 18CN01/03/HĐTC với Ngân hàng, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất số T 344468, thửa đất số 129, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc Vùng 5, Nông trường 30/4, huyện Long Phú (nay là ấp ÁP V, xã An TN, huyện CL, tỉnh ST), tỉnh Sóc Trăng, diện tích 16.300m² do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú (nay là huyện Cù Lao Dung), tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Hà KR vào ngày 28/6/2001. Từ khi vay đến khi xét xử sơ thẩm ông RAY không thanh toán nợ vốn cũng như lãi cho Ngân hàng nên còn nợ Ngân hàng tổng vốn và lãi đến khi xét xử sơ thẩm là 498.850.925 đồng nên cấp sơ thẩm xử buộc ông KR có nghĩa vụ trả số tiền trên và lãi phát sinh đến khi trả hết nợ là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của ông KR yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho ông trả dần số nợ nêu trên bằng hình thức mỗi năm ông trả 50.000.000 đồng, sau khi trả hết vốn thì trả nợ lãi trong 02 năm tiếp theo. Tại phiên tòa hôm nay phía đại diện hợp pháp của nguyên đơn không có mặt và cũng không văn bản ý kiến đồng ý đối với yêu cầu kháng cáo của ông KR nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và yêu cầu trả dần nợ này của ông KR không

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên kháng cáo của ông KR là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của ông KR xin được miễn án phí sơ thẩm do khi xét xử sơ thẩm ông chưa đủ 60 tuổi nhưng đến nay thì ông đã ngoài 60 tuổi nên ông xin được miễn án phí sơ thẩm. Xét thấy, tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 có quy định người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí, lệ phí Tòa án và tại Điều 2 Luật người cao tuổi có quy định “*Người cao tuổi được quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên*”. Theo bản sao căn cước công dân ông KR cung cấp cho Tòa án thì ông KR sinh ngày 01/01/1962 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/12/2021 thì ông KR chưa đủ 60 tuổi nên cấp sơ thẩm buộc ông KR phải chịu án phí là có căn cứ đúng quy định pháp luật. Vì vậy, ông KR kháng cáo xin miễn án phí sơ thẩm là không có căn cứ Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Đối với kháng cáo xin miễn án phí phúc thẩm. Xét thấy, theo quy định pháp luật thì đương sự chỉ có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm nên yêu cầu được miễn án phí phúc thẩm của ông KR trong đơn kháng cáo không được xem là kháng cáo mà Hội đồng xét xử chỉ xem đây là đề nghị được miễn án phí phúc thẩm của ông KR và Hội đồng xét xử sẽ xem xét yêu cầu này theo quy định pháp luật.

[7] Từ những phân tích trên thấy rằng kháng cáo của ông Hà KR là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Đề nghị của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa về việc áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Các phần khác của trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, do ông Hà KR, sinh ngày 01/01/1962 đến ngày xét xử phúc thẩm ông Rạy đã hơn 60 tuổi và ông KR có đề nghị được miễn án phí phúc thẩm nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí phúc thẩm cho ông Rạy.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản đ khoản 1 Điều 12 và 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Hà KR. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 31/2021/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 118, 119, 213, 317, 318, 319, 320, 325, 500 và 502 của Bộ luật Dân sự; Điều 166 và Điều 167 Luật Đất đai, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; điểm d khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 13 của Thông tư số 39/2010/TT-NHNN ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN.

1. Buộc ông Hà KR có trách nhiệm trả cho Ngân hàng NN số tiền gốc và lãi 498.850.925 (bốn trăm chín mươi tám triệu, tám trăm năm mươi nghìn, chín trăm hai mươi lăm) đồng, trong đó nợ gốc: 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng, nợ lãi trong hạn 111.212.800 (một trăm mười một triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, tám trăm) đồng, nợ lãi quá hạn 37.638.125 (ba mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, một trăm hai mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2021 ông Rạy còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng NN thì lãi suất mà ông KR phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng NN cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng NN.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông KR thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng NN thì Ngân hàng NN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 18CN01/03/HĐTC, ngày 03 tháng 12 năm 2018.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông KR phải nộp 23.954.037 (hai mươi ba triệu, chín trăm năm mươi bốn nghìn, không trăm ba mươi bảy) đồng. Ngân hàng NN không phải chịu án phí, trả lại cho Ngân hàng NN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.268.000 (mười một triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009004 ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

4. Chi phí tố tụng: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 900.000 (chín trăm nghìn) đồng, Ngân hàng NN đã nộp đủ theo phiếu thu số T62 ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Ông KR có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng NN số tiền 900.000 (chín trăm ngàn) đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hà KR được miễn án phí phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

7. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01 bản);
- TAND huyện Cù Lao Dung (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung (01 bản);
- Các đương sự (04 bản);
- Lưu: VP, HS (05 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Tôn Thị Thanh Thúy